

CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH VĨNH PHÚC

THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG ĐẦU NĂM



Chỉ số SX công nghiệp

T11 so cùng kỳ

▲ **3,40%**

Lũy kế 11T so cùng kỳ

▼ **1,07%**



Thu NSNN ▼ **25,43 %**

Chi NSNN ▲ **15,21 %**

Lũy kế 11T so cùng kỳ



Tổng mức BLHH & doanh thu DVTD

T11 so cùng kỳ

▲ **9,79%**

Lũy kế 11T so cùng kỳ

▲ **19,48%**



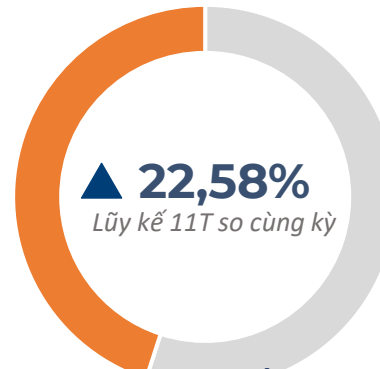
Xuất nhập khẩu

Kim ngạch XK ▲ **9,71%**

Kim ngạch NK ▲ **3,44%**

Lũy kế 11T so cùng kỳ

VĐT thực hiện NSNN



=77,38% kế hoạch

Thu hút đầu tư trực tiếp

Tính đến ngày 15/11/2023

70 dự án

FDI

Tổng vốn đăng ký ▲ **83,45%**

29 dự án

DDI

Tổng vốn đăng ký ▲ **74,15%**

Ngân hàng

So với cuối năm 2022

▲ **9,51%**



▲ **7,96%**

Tổng nguồn vốn huy động

Tổng dư nợ cho vay

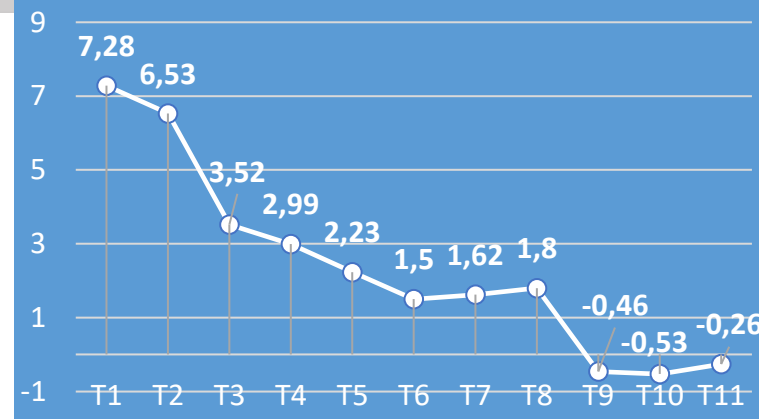
1708

DN thành lập mới và quay trở lại hđ

831

DN rút lui khỏi thị trường

Đăng ký doanh nghiệp



CPI các tháng năm 2023 so cùng kỳ (%)

I.TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1.Trồng trọt

Tính đến trung tuần tháng Mười một, bà con nông dân cơ bản đã hoàn tất việc gieo trồng vụ đông năm 2023-2024, một phần nhỏ diện tích trồng rau và cây trồng khác đang tiếp tục được gieo trồng. Tổng diện tích cây trồng các loại ước đạt 13.821 ha, giảm 3,75% (giảm 539 ha) so với cùng kỳ. Cụ thể như sau: Ngô đạt 5.183 ha, giảm 3,78%; khoai lang 1.200 ha, giảm 2,17%; Lạc 191,8 ha, giảm 8,29%; Đậu tương 391,1 ha, giảm 11,55%; rau các loại 4.852 ha, giảm 3,82%...

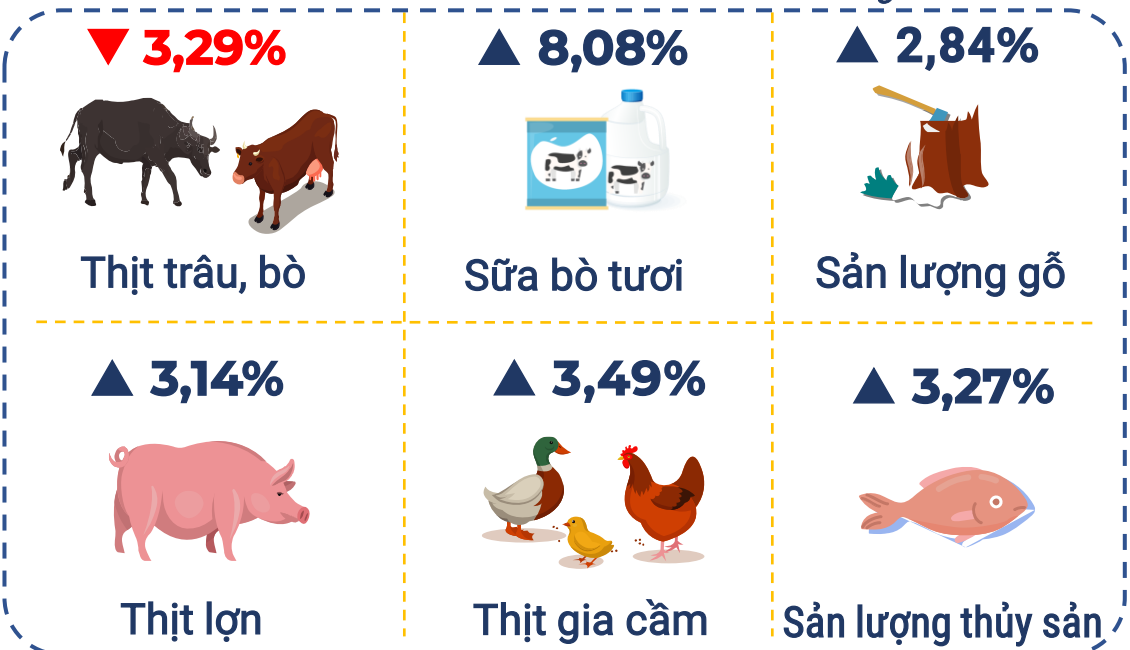
2. Chăn nuôi

Trong tháng giá lợn hơi tiếp tục giữ ở mức thấp do dịch tả lợn châu Phi xuất hiện ở một số tỉnh khiến người chăn nuôi đã gia tăng lượng xuất chuồng. Giá bán thịt lợn hơi trên địa bàn tỉnh hiện nay đang ở mức dưới 50.000 đồng/kg, giảm so với cùng thời điểm tháng trước từ 3.000 đồng/kg - 5.0000 đồng/kg, mô đàn vật nuôi trong thời gian tới sẽ bị ảnh hưởng nếu tình trạng này không sớm được khắc phục. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng tháng 11 ước đạt 10,3 nghìn tấn tăng 2.68% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng đầu năm ước đạt 118,9 nghìn tấn, tăng 2,89%.

Tiến độ gieo trồng vụ Đông 2023-2024



11 tháng đầu năm 2023



II.TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

1.Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh tháng 11/2023 có chiều hướng tích cực hơn tháng trước ở cả 3 chỉ số: Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 5,61%, chỉ số tiêu thụ (ngành CBCT) tăng 8,36%, chỉ số tồn kho giảm 1,23%. Tuy nhiên, do những khó khăn chung từ đầu năm, mức độ phục hồi của nền kinh tế thế giới và trong nước chậm, nên tính chung 11 tháng, chỉ số IIP Vĩnh Phúc vẫn giảm 1,07% so 11 tháng năm 2022.

2. Chỉ số tiêu thụ, tồn kho



▼ **7,97%**

11T/2023 so với cùng kỳ

Chỉ số tiêu thụ

toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo



▼ **1,23%**

T11 so với tháng trước

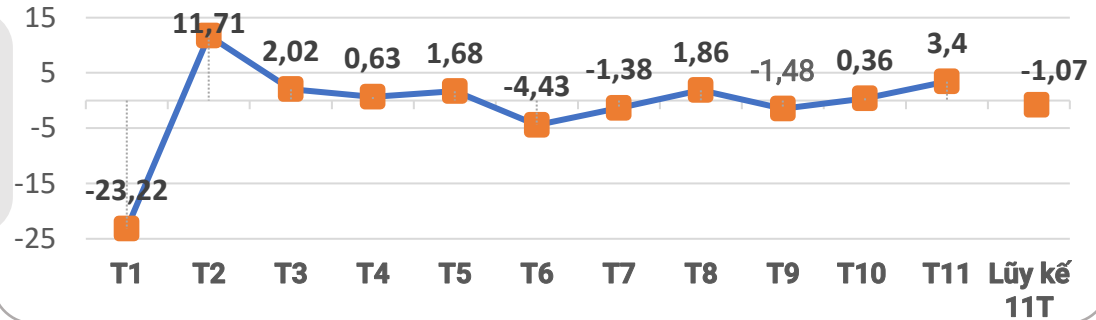
Chỉ số tồn kho

toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

▼ **1,07%**

IIP 11T so với cùng kỳ (%)

Tốc độ tăng IIP so với cùng kỳ (%)

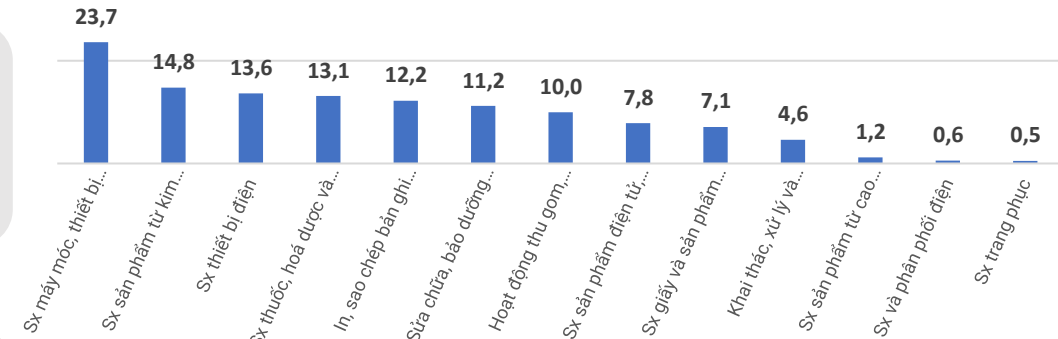


Có 13/25

ngành cấp 2

IIP

11 tháng ▲

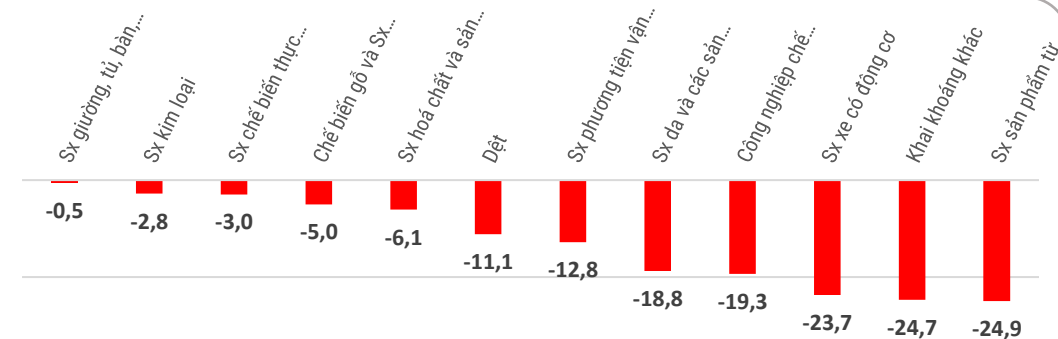


Có 12/25

ngành cấp 2

IIP

11 tháng ▼



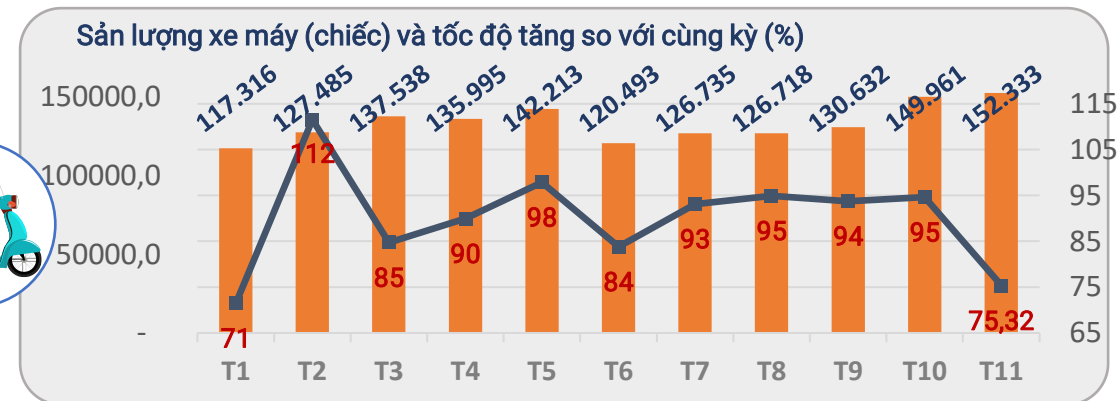
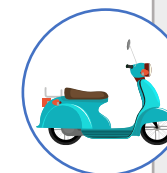
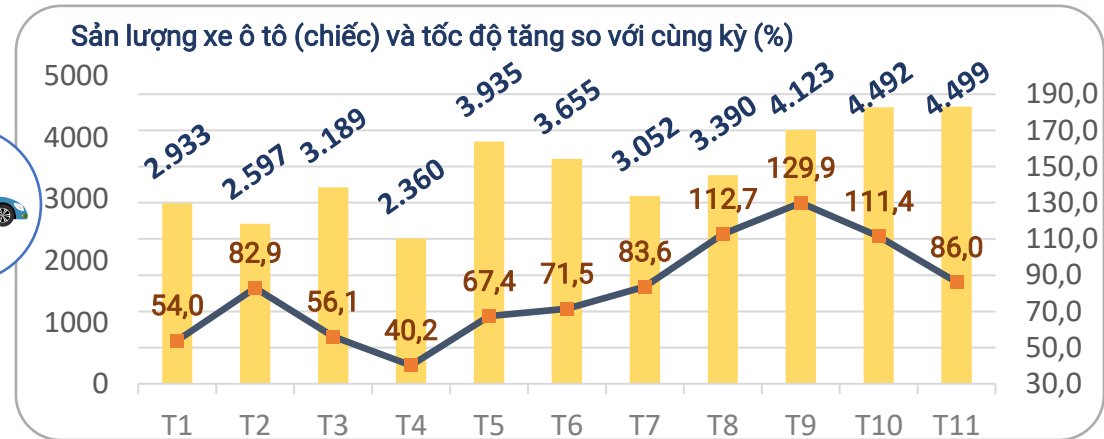
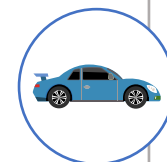
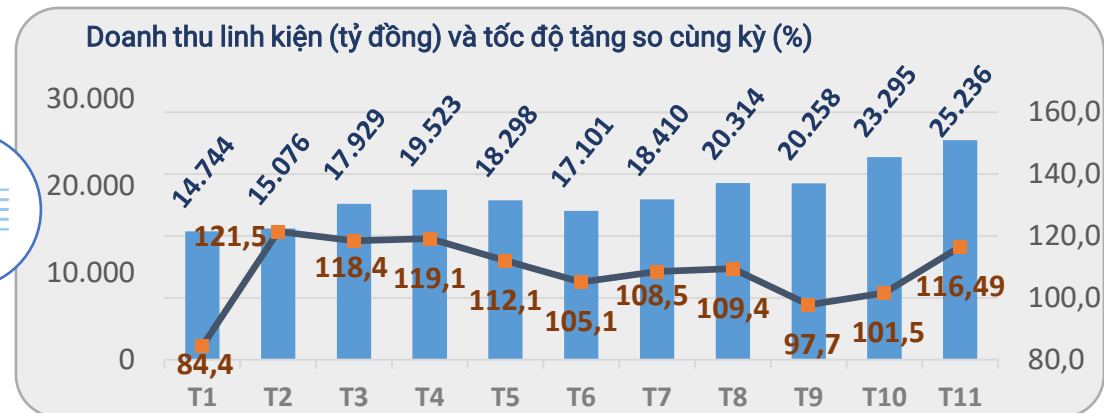
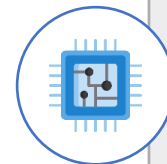
II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

2. Các ngành công nghiệp chủ lực

Ngành sản xuất linh kiện điện tử: Ngành sản xuất linh kiện điện tử có sự tăng trưởng trở lại trong tháng 10 và tháng 11 sau kỳ suy giảm tháng 9, chỉ số IIP tháng 11/2023 ước tính tăng 8,33% so với tháng trước và tăng 16,49% so cùng kỳ.

Ngành sản xuất xe ô tô: Ngành sản xuất ô tô ghi nhận tháng thứ 5 liên tiếp có chỉ số tháng sau cao hơn tháng trước; chỉ số tiêu thụ trong tháng tăng khá (+32,45% so tháng 10/2023 và tăng 13,31% so với tháng 11/2022), tuy nhiên, chỉ số tồn kho ước tính tại thời điểm tháng 11 vẫn ở mức cao so với cùng thời điểm năm 2022 (+45,97%)

Ngành sản xuất xe máy: ngành sản xuất xe máy gặp khó khăn hơn, tiếp tục chuỗi 9 tháng liên tục có IIP giảm so với cùng kỳ, trong đó, tháng 11/2023 có mức giảm sâu nhất (-25,55%)..



III. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ

1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và vận tải

Tháng 11/2023, thị trường hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn có xu hướng sôi động hơn. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tăng cường chuẩn bị nguồn hàng và cung ứng ra thị trường các sản phẩm, dịch vụ phong phú, đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng dịp cuối năm.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11/2023 ước tăng 1,27% so với tháng trước và tăng 9,79% so với cùng kỳ; tính chung 11 tháng tăng 19,48%. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 17,03%; doanh thu dịch vụ lưu trú tăng 16,52%; dịch vụ ăn uống tăng 49,35%; du lịch lữ hành tăng 152,14%; doanh thu các ngành dịch vụ tăng 21,29% so với 11 tháng đầu năm 2022.

Hoạt động giao thông vận tải ổn định, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh. Doanh thu trong tháng ước đạt 587,17 tỷ đồng, tăng 3,38% so với tháng trước và tăng 23,22% so với cùng kỳ, lũy kế 11 tháng ước đạt 5.575,79 tỷ đồng, tăng 18,86%.

Vận tải hành khách

Vận chuyển ▲ 19,94%

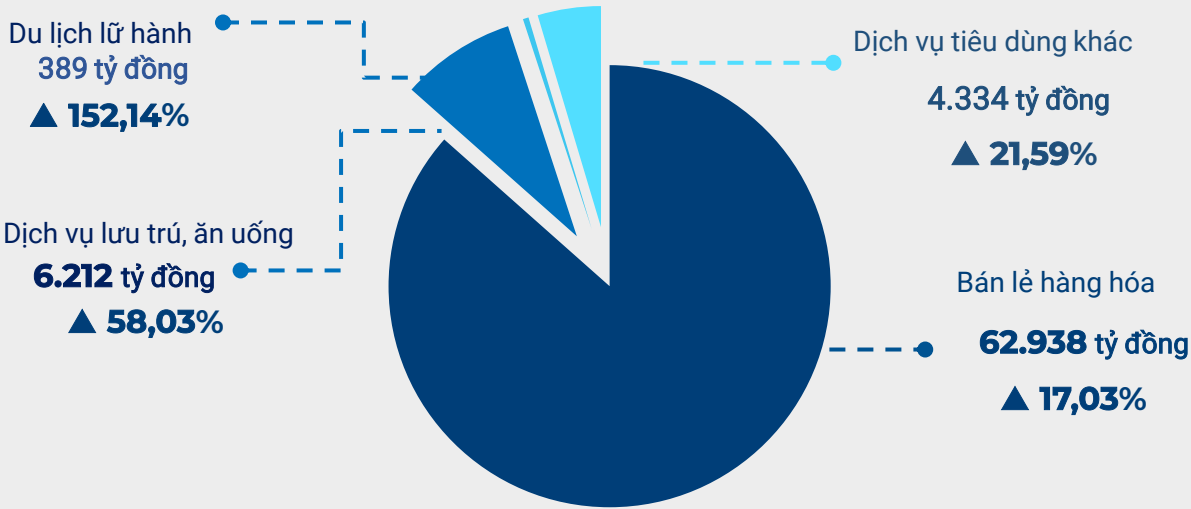
Luân chuyển ▲ 26,07%

Vận tải hàng hóa

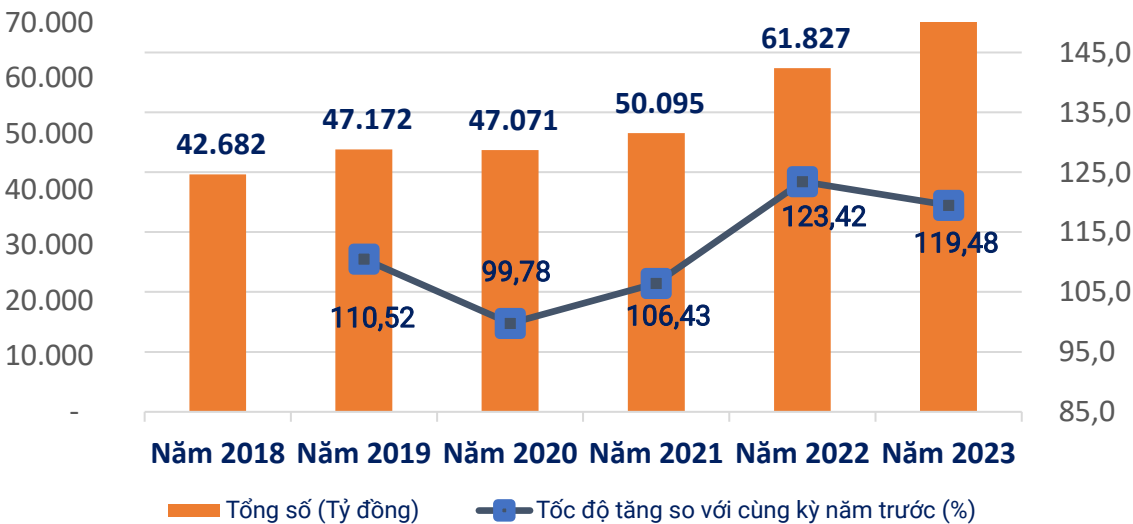
Vận chuyển ▲ 33,69%

Luân chuyển ▲ 37,60%

11 tháng đầu năm so với cùng kỳ



Cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng 11 tháng đầu năm



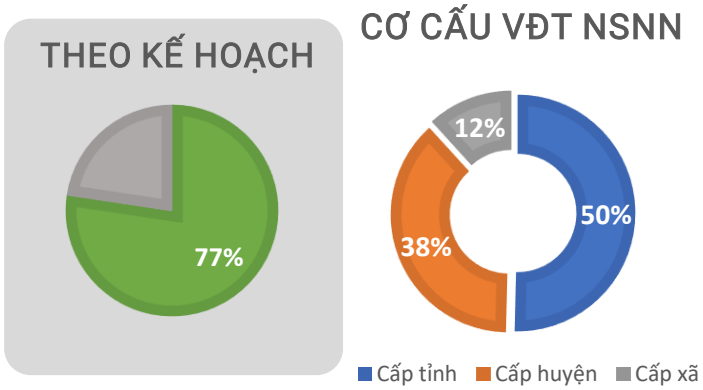
Quy mô và tốc độ tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng

11 tháng giai đoạn 2018-2023

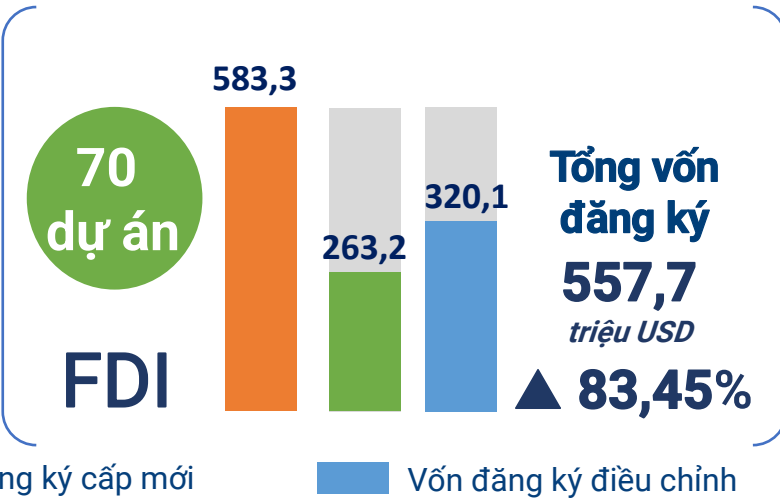
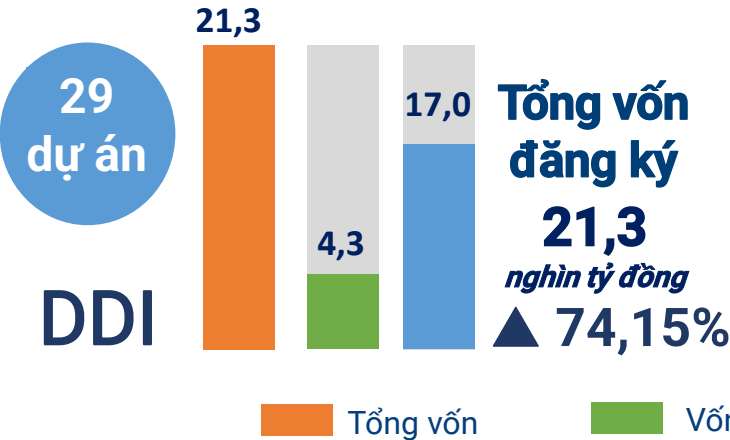
IV. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

1. Vốn đầu tư thực hiện NSNN

Tính đến ngày 15/11/2023, toàn tỉnh đã thu hút được 70 dự án FDI (26 dự án cấp mới, 44 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 583,32 triệu USD, tăng 83,45% so với cùng kỳ; 29 dự án DDI (13 dự án cấp mới, 16 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 21,28 nghìn tỷ đồng, tăng 74,15%.



2. Thu hút đầu tư trực tiếp



3. Đăng ký doanh nghiệp

	Đến 15/11/2023	So với cùng kỳ năm trước (%)
DN đăng ký thành lập mới	1364	110,45
DN hoạt động trở lại	344	89,82
DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn	695	130,64
DN đã hoàn tất thủ tục giải thể	136	183,78

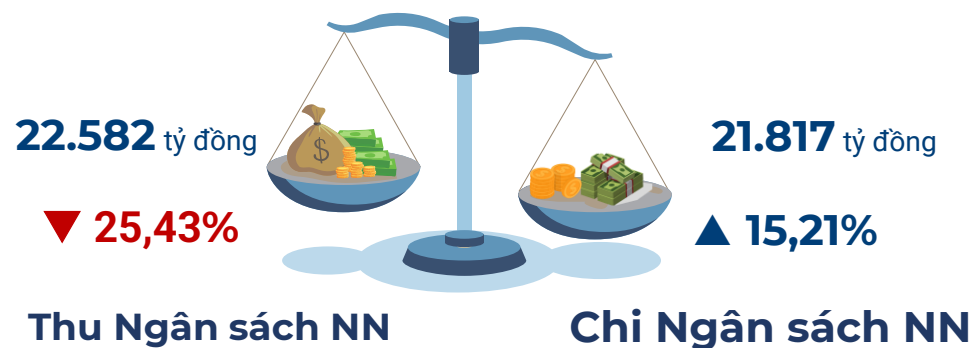
Trung bình mỗi tháng



V. THU CHI NSNN

Trong bối cảnh tình hình kinh tế khó khăn, chính sách giảm thuế và các chi phí khác đã được triển khai nhằm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp và dân cư, nhưng đồng thời cũng đặt ra thách thức không nhỏ tới nguồn thu ngân sách của tỉnh. Tính đến 15/11/2023, theo số liệu của Kho bạc Nhà nước, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 22.582 tỷ đồng, giảm 25,43% so với cùng kỳ, bằng 69,84% dự toán giao đầu năm.

Tổng chi ngân sách nhà nước đạt 21.817 tỷ đồng, tăng 15,21% so với cùng kỳ.



VI. NGÂN HÀNG

Mặt bằng lãi suất tiếp tục xu hướng giảm. Lãi suất tiền gửi giảm từ 0,2% - 0,5%/năm ở các kỳ hạn.

Dự kiến đến 30/11/2023

Tổng nguồn vốn huy động

tăng 9,51% so với cuối năm 2022.

120.000 tỷ đồng

Tổng dư nợ cho vay

tăng 7,96% so với cuối năm 2022.

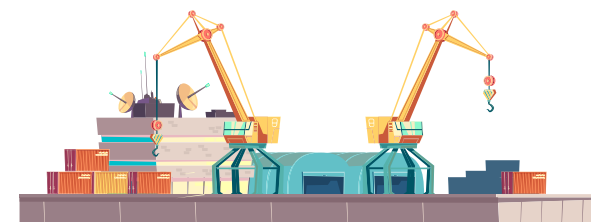
125.000 tỷ đồng

Tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức 0,84%.



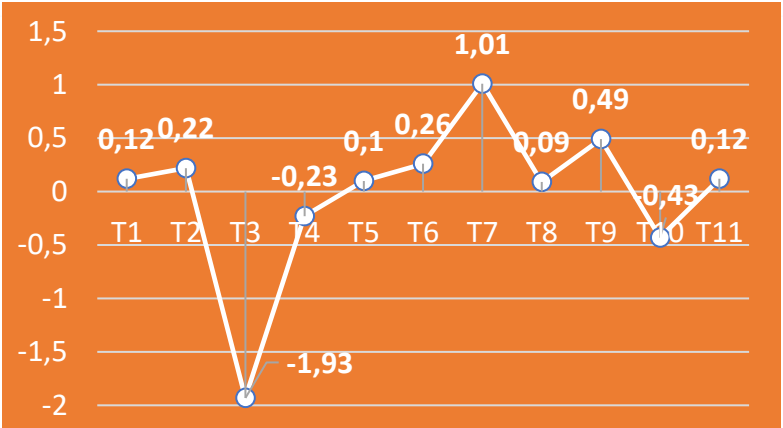
Xuất nhập khẩu

(11T đầu năm so với cùng kỳ)



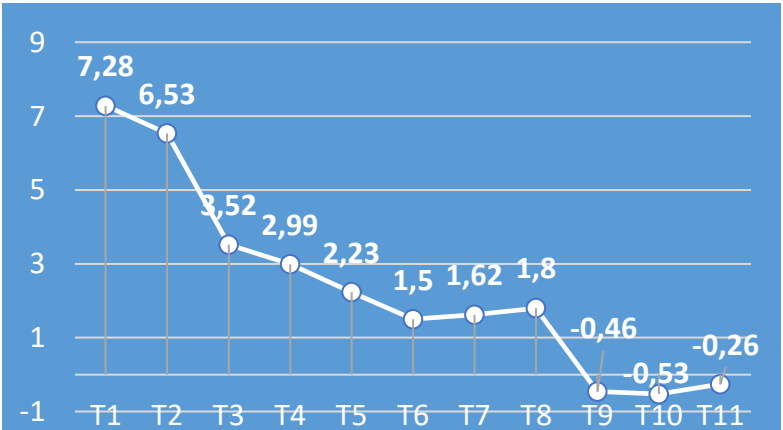
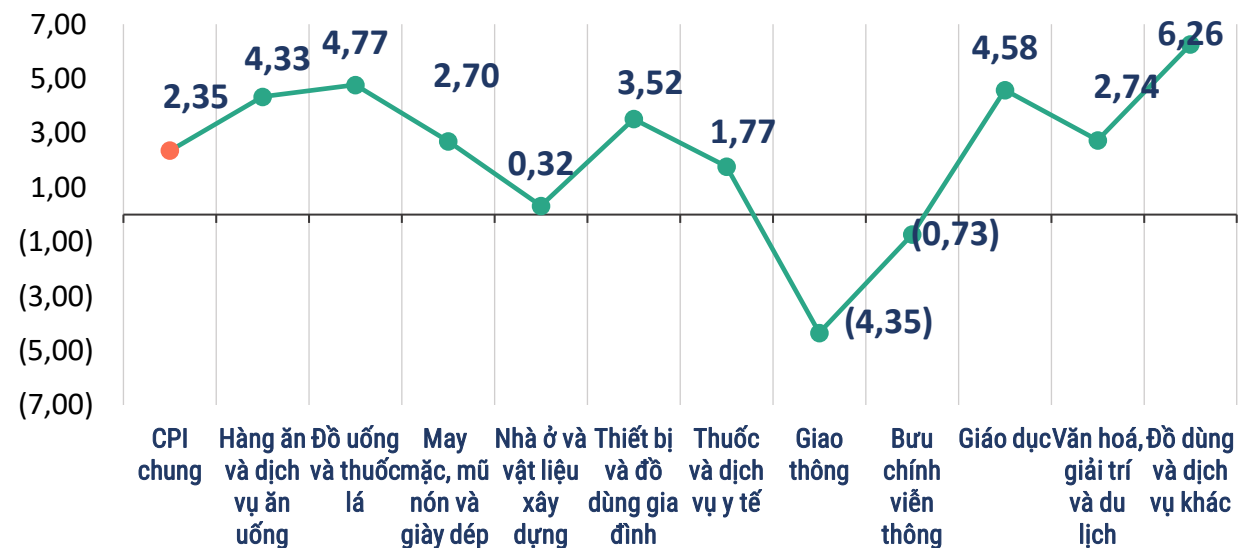
VII. CHỈ SỐ GIÁ

Tháng 11/2023, một số khu vực thực hiện tăng học phí theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND, ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm học 2023-2024; giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu là những nguyên nhân chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng nhẹ 0,12% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng Mười một giảm 0,06% và so với cùng kỳ năm trước giảm 0,26%. Bình quân 11 tháng năm 2023, CPI tăng 2,35% so với cùng kỳ năm trước.



CPI các tháng năm 2023 so tháng trước (%)

CPI bình quân 11 tháng năm 2023 so cùng kỳ (%)



CPI các tháng năm 2023 so cùng kỳ (%)

VII. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Cùng với xu hướng tích cực trong tình hình SXKD, thị trường lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh những tháng cuối năm 2023 được dự báo sẽ sôi động trở lại do các doanh nghiệp có đơn hàng ổn định hơn, nhu cầu lao động tại các doanh nghiệp gia tăng.

Tháng 11/2023, chỉ số sử dụng lao động của các DN công nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng 2,83% so với tháng trước và tăng 6,26% so với cùng kỳ. Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn bảo đảm việc làm ổn định cho người lao động. Nhu cầu tuyển dụng lao động những tháng cuối năm của các doanh nghiệp khu vực doanh nghiệp FDI tăng cao (+7,13%), chủ yếu trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo.

Theo báo cáo của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, tháng 11/2023 toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 1.420 lao động, giảm 399 lao động so với tháng 10/2023; lũy kế 11 tháng năm 2023 đạt 19.434 lao động, vượt 14,3% kế hoạch năm. Số lao động nghỉ giãn việc, thôi việc, mất việc cũng có xu hướng giảm so với tháng trước: số lao động nghỉ giãn việc trong tháng là 4.219 lao động, giảm 15,7% so với tháng trước; lao động thôi việc, mất việc là 1.357, giảm 9,2%.



Chỉ số sử dụng lao động

(T11 so với cùng kỳ)

▲ 6,26%



Giải quyết việc làm

(lũy kế 11T)

19.434
lao động



Lao động nghỉ giãn việc

(T11 so với tháng trước)

▼ 15,7%



Lao động thôi việc, mất việc

(T11 so với tháng trước)

▼ 9,2%